

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM
VÀ CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022



CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 405 Song Hành Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	05 - 06
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08 - 09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 31
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	



CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 405 Song Hành Xa Lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Logistics Vicem (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Hà Quang Hiện	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 12 tháng 05 năm 2022)
Ông Huỳnh Trung Hiếu	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2022)
Ông Đỗ Văn Huân	Thành viên
Ông Bùi Nguyễn Quỳnh	Thành viên
Ông Hồ Sĩ An	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hưng	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Hà Minh Ngọc	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Huệ	Thành viên
Bà Phạm Thị Thái Hà	Thành viên (bổ nhiệm ngày 12 tháng 05 năm 2022)
Bà Nguyễn Thị Thu	Thành viên (miễn nhiệm ngày 12 tháng 05 năm 2022)

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đỗ Văn Huân	Tổng Giám đốc
Ông Đàm Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 14 tháng 01 năm 2022)
Ông Phạm Bá Trung	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 20 tháng 07 năm 2022)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư Vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 405 Song Hành Xa Lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Nhóm Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Nhóm Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đỗ Văn Huân
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2023

Số: 113/2023/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Logistics Vicem (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm Công ty"), được lập ngày 08 tháng 03 năm 2023 từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Logistics Vicem và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
0172-2023-026-1



Lê Việt Hà
Kiểm toán viên
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
4732-2019-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2023

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 405 Song Hành Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		378.149.141.612	350.948.115.802
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		10.478.983.064	13.435.789.209
1. Tiền	111	4.1	10.478.983.064	13.435.789.209
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		198.985.364.795	193.889.831.485
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	20.990.879.270
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	198.985.364.795	172.898.952.215
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		167.087.340.861	140.357.100.706
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	159.557.697.400	134.608.449.795
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	2.571.582.629	2.609.022.929
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	7.018.813.139	5.957.274.048
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(2.060.752.307)	(2.817.646.066)
IV. Hàng tồn kho	140		1.524.749.583	2.547.160.210
1. Hàng tồn kho	141	4.7	1.524.749.583	2.547.160.210
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		72.703.309	718.234.192
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.10	72.703.309	718.234.192
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		55.528.902.964	71.726.668.747
I. Tài sản cố định	220		55.528.902.964	71.726.668.747
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	55.528.902.964	71.726.668.747
Nguyên giá	222		256.956.649.977	263.421.077.382
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(201.427.747.013)	(191.694.408.635)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		433.678.044.576	422.674.784.549

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 405 Song Hành Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		99.544.878.480	89.301.131.037
I. Nợ ngắn hạn	310		99.544.878.480	89.301.131.037
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	66.125.797.098	57.718.705.409
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		385.249.624	230.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	1.185.493.957	1.893.039.691
4. Phải trả người lao động	314	4.11	21.205.686.558	17.953.522.748
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.12	4.887.028.814	947.266.897
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.13	3.124.236.373	3.682.172.286
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.14	2.631.386.056	6.876.424.006
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		334.133.166.096	333.373.653.512
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.15	334.133.166.096	333.373.653.512
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		131.040.000.000	131.040.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		131.040.000.000	131.040.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		53.070.783.332	53.070.783.332
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		127.245.045.585	127.245.045.585
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		21.306.890.769	20.862.926.115
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		3.764.972.321	3.470.473.444
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		17.541.918.448	17.392.452.671
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.470.446.410	1.154.898.480
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		433.678.044.576	422.674.784.549



Phạm Thị Ngọc
Phụ trách phòng kế toán

Võ Thị Ngọc Diễm
Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 405 Song Hành Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	5.1	351.319.434.784	297.847.175.380
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		351.319.434.784	297.847.175.380
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	323.697.950.672	267.416.704.864
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		27.621.484.112	30.430.470.516
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	15.346.460.418	9.626.631.370
6. Chi phí tài chính	22		53.220.585	(2.069.493.083)
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.4	26.263.195.130	21.798.023.647
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.651.528.815	20.328.571.322
9. Thu nhập khác	31	5.5	6.355.659.428	1.410.980.352
10. Chi phí khác	32		766.259.329	19.581.020
11. Lợi nhuận khác	40		5.589.400.099	1.391.399.332
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		22.240.928.914	21.719.970.654
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	4.533.462.536	4.168.941.664
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		17.707.466.378	17.551.028.990
15. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		17.541.918.448	17.392.452.671
16. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		165.547.930	158.576.319
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.15.3	1.339	822
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.15.3	1.339	822



Đỗ Văn Huân
Tổng Giám đốc

Phạm Thị Ngọc
Phụ trách phòng kế toán

Võ Thị Ngọc Diễm
Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2022	Năm 2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		22.240.928.914	21.719.970.654
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ	02	5.7	16.197.765.783	20.739.818.768
Các khoản dự phòng	03		(756.893.759)	(888.995.068)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(15.105.817.598)	(9.626.631.268)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những				
3. thay đổi vốn lưu động	08		22.575.983.340	31.944.163.086
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(25.475.828.940)	21.935.668.778
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.022.410.627	(1.125.203.756)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả,	11		14.828.461.793	5.071.591.676
thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	13		20.990.879.270	-
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	15	4.10	(4.873.141.216)	(4.149.593.679)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17		(10.859.791.744)	(5.447.069.720)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		18.208.973.130	48.229.556.385
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ				
và các tài sản dài hạn khác	22		5.374.090.910	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ				
của các đơn vị khác	23		(386.546.062.523)	(229.002.089.297)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ				
của các đơn vị khác	24		360.459.649.943	177.291.518.884
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.879.740.115	9.513.268.121
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(10.832.581.555)	(42.197.302.292)

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 405 Song Hành Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2022	Năm 2021
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		150.000.000	100.000.000
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.483.197.720)	(13.103.664.150)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10.333.197.720)	(13.003.664.150)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM				
(50 = 20+30+40)	50		(2.956.806.145)	(6.971.410.057)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		13.435.789.209	20.407.199.266
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM				
(70 = 50+60+61)	70	4.1	10.478.983.064	13.435.789.209

**Đỗ Văn Huân**
Tổng Giám đốc**Phạm Thị Ngọc**
Phụ trách phòng kế toán**Võ Thị Ngọc Diễm**
Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Logistics Vicem (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo:

- Quyết định số 24/2000/QĐ-TTg ngày 21 tháng 01 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc cổ phần hóa từ Xí nghiệp Vận tải của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên (tên cũ: Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1) thuộc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam;
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301975289 ngày 24 tháng 04 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 06 tháng 12 năm 2021 để thay đổi địa chỉ đăng ký kinh doanh.

Ngày 07 tháng 12 năm 2005, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh theo Quyết định số 41/UBCK-GPNY của Ủy ban chứng khoán Nhà nước với mã chứng khoán HTV.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi gần đây nhất là 131.040.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	65.623.610.000	50,08	65.623.610.000	50,08
Các cổ đông khác	65.416.390.000	49,92	65.416.390.000	49,92
Cộng	131.040.000.000	100,00	131.040.000.000	100,00

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 405 Song Hành Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty có đầu tư vào 01 công ty con như được trình bày tại Mục 1.6 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm Công ty").

Tổng số nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 268 (31/12/2021: 235).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Nhóm Công ty là:

- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (từ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác và không hoạt động tại trụ sở);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển);
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và không hoạt động tại trụ sở);
- Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và không hoạt động tại trụ sở);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển, kinh doanh vận chuyển hàng không và không hoạt động tại trụ sở);
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước, trừ cho thuê lại lao động);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi);
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc Nhóm Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Nhóm Công ty được cấu trúc theo hình thức sở hữu trực tiếp gồm công ty mẹ và 01 công ty con trực tiếp.

1.6. Công ty con được hợp nhất

Công ty con trực tiếp:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Tỷ lệ vốn góp</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất động sản Trường Thọ Thủ Đức	Lầu 05, Tòa nhà The Landmark, 5B Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	65,00%	65,00%	65,00%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Nhóm Công ty áp dụng hình thức Kế toán trên máy vi tính.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

2.5. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Nhóm Công ty mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con, trừ trường hợp quyền kiểm soát của Nhóm Công ty chỉ là tạm thời khi công ty con chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian không quá 12 tháng.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.3. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

36 T
ÔN
TN
TOÁN
M.VI
T.P

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- | | |
|----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 10 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 10 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 08 năm |

3.7. Thuê tài sản

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

3.8. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.9. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh hợp nhất của kỳ báo cáo.

3.10. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.11. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư

Thu nhập từ bán các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc khi hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định và chi phí thanh lý.

3.12. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ bán ra và cung cấp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.13. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu quản lý; chi phí đồ dùng văn phòng; chi phí khấu hao TSCĐ; thuế, phí, lệ phí; chi phí dự phòng phải thu khó đòi; chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.14. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp được tính theo mức thuế suất 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm Công ty.

3.15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Nhóm Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Nhóm Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.17. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.18. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Nhóm Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Nhóm Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ điều hành của Nhóm Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

4.1. Tiền

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Tiền mặt	528.204.678	29.180.304
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.950.778.386	13.406.608.905
Cộng	<u>10.478.983.064</u>	<u>13.435.789.209</u>

4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Là khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn gốc từ 06 - 12 tháng tại ngày 31/12/2022.

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm Mục 7	110.416.690.225	78.898.103.529
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Long Phước	16.265.928.147	22.309.472.628
Các khách hàng khác (*)	32.875.079.028	33.400.873.638
Cộng	<u>159.557.697.400</u>	<u>134.608.449.795</u>

(*) Tại ngày 31/12/2022, phải thu các khách hàng khác có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan - Xem thêm Mục 7	1.262.815.629	1.262.815.629
Trả trước cho người bán:		
Công ty TNHH Vận tải Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Trường Nguyên	500.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	808.767.000	1.346.207.300
Cộng	<u>2.571.582.629</u>	<u>2.609.022.929</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.5. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2022 VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu khác từ các bên liên quan - Xem thêm Mục 7	450.000.000	-	450.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác:				
Lãi dự thu	2.742.918.273	-	2.890.931.700	-
Ký cược, ký quỹ	1.851.360.000	-	-	-
Phải thu từ bồi thường	1.818.535.617	-	2.544.408.654	-
Phải thu khác	155.999.249	-	71.933.694	-
Cộng	7.018.813.139	-	5.957.274.048	-

4.6. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2022 VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	2.944.033.051	883.280.744	5.495.711.396	2.678.065.330

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 405 Song Hành Xa Lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2022			Tại ngày 01/01/2022		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH MTV Cát Vạn Hưng	979.302.000	-	Trên 03 năm	979.302.000	-	Trên 03 năm
Công ty TNHH Cát Tường Hậu Giang	459.522.890	-	Trên 03 năm	459.522.890	-	Trên 03 năm
Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại DIC	190.452.185	-	Trên 03 năm	190.452.185	-	Trên 03 năm
Công ty Cổ phần Bảo Việt Phát	1.314.755.976	883.280.744	Từ 01 đến dưới 02 năm	2.770.124.610	1.939.087.227	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm
Các khách hàng khác	-	-		1.096.309.711	738.978.103	Từ 06 tháng đến trên 03 năm
Cộng	2.944.033.051	883.280.744		5.495.711.396	2.678.065.330	

4.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.351.050.612	-	1.609.313.912	-
Công cụ, dụng cụ	173.698.971	-	210.013.636	-
Hàng gửi đi bán	-	-	727.832.662	-
Cộng	1.524.749.583	-	2.547.160.210	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 405 Song Hành Xa Lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2022	2.203.932.585	255.660.226.380	5.556.918.417	263.421.077.382
Thanh lý, nhượng bán	-	(6.464.427.405)	-	(6.464.427.405)
Tại ngày 31/12/2022	2.203.932.585	249.195.798.975	5.556.918.417	256.956.649.977
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2022	2.173.487.376	186.641.147.323	2.879.773.936	191.694.408.635
Khấu hao trong năm	30.445.209	15.512.728.603	654.591.971	16.197.765.783
Thanh lý, nhượng bán	-	(6.464.427.405)	-	(6.464.427.405)
Tại ngày 31/12/2022	2.203.932.585	195.689.448.521	3.534.365.907	201.427.747.013
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2022	30.445.209	69.019.079.057	2.677.144.481	71.726.668.747
Tại ngày 31/12/2022	-	53.506.350.454	2.022.552.510	55.528.902.964

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 128.126.397.699 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 405 Song Hành Xa Lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.9. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2022 VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan	-	-	792.000.033	792.000.033
Phải trả cho người bán:				
Doanh nghiệp tư nhân Trung Tài	26.804.479.855	26.804.479.855	21.320.589.116	21.320.589.116
Công ty TNHH MTV Vận tải Chế biến gỗ Phong Phú	6.222.733.035	6.222.733.035	482.619.593	482.619.593
Phải trả cho các đối tượng khác	33.098.584.208	33.098.584.208	35.123.496.667	35.123.496.667
Cộng	66.125.797.098	66.125.797.098	57.718.705.409	57.718.705.409

4.10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

72.703.309

22.210.102.123

(22.855.633.006)

718.234.192

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 405 Song Hành Xa Lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2022		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2022	
	Phải nộp	VND	Phải nộp	VND	Phải nộp	VND
Thuế giá trị gia tăng	-		29.734.216.577	(6.878.583.571)	(22.855.633.006)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	893.383.092		4.533.462.536	(4.873.141.216)	-	1.233.061.772
Thuế thu nhập cá nhân	292.110.865		1.304.169.876	(1.672.036.930)	-	659.977.919
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-		1.026.117.190	(1.026.117.190)	-	-
Các loại thuế khác	-		3.000.000	(3.000.000)	-	-
Cộng	1.185.493.957		36.600.966.179	(14.452.878.907)	(22.855.633.006)	1.893.039.691

4.11. Phải trả người lao động

Là khoản tiền lương còn phải trả cho cán bộ, công nhân viên tại ngày 31/12/2022.

4.12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
	VND	VND
Chi phí thuế ngoài vận chuyển	4.730.143.814	865.266.897
Các khoản chi phí phải trả khác	156.885.000	82.000.000
Cộng	4.887.028.814	947.266.897

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.13. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Cổ tức phải trả	4.027.835	4.025.555
Nhận ký quỹ, ký cược	546.000.000	546.000.000
Các khoản phải trả khác	2.574.208.538	3.132.146.731
Cộng	<u>3.124.236.373</u>	<u>3.682.172.286</u>

4.14. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Số dư đầu năm	6.876.424.006	2.901.993.726
Trích lập trong năm	6.614.753.794	9.421.500.000
Sử dụng trong năm	(10.859.791.744)	(5.447.069.720)
Số dư cuối năm	<u>2.631.386.056</u>	<u>6.876.424.006</u>

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 405 Song Hành Xã Lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.15. Vốn chủ sở hữu****4.15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2021	131.040.000.000	53.070.783.332	124.017.503.555	29.223.515.474	896.322.161	338.248.124.522
Lãi trong năm trước	-	-	-	17.392.452.671	158.576.319	17.551.028.990
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	3.227.542.030	(3.227.542.030)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(9.421.500.000)	-	(9.421.500.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(13.104.000.000)	-	(13.104.000.000)
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	100.000.000	100.000.000
Tại ngày 01/01/2022	131.040.000.000	53.070.783.332	127.245.045.585	20.862.926.115	1.154.898.480	333.373.653.512
Lãi trong năm nay	-	-	-	17.541.918.448	165.547.930	17.707.466.378
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(6.614.753.794)	-	(6.614.753.794)
Chia cổ tức	-	-	-	(10.483.200.000)	-	(10.483.200.000)
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	150.000.000	150.000.000
Tại ngày 31/12/2022	131.040.000.000	53.070.783.332	127.245.045.585	21.306.890.769	1.470.446.410	334.133.166.096

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.15.2. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	13.104.000	13.104.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	13.104.000	13.104.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	13.104.000	13.104.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

4.15.3. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	17.541.918.448	17.392.452.671
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(6.614.753.794)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản/lãi suy giảm trên cổ phiếu	17.541.918.448	10.777.698.877
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	13.104.000	13.104.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.339	822

(*) Đến ngày phát hành báo cáo này, Đại hội đồng cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2022.

4.16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
Ngoại tệ các loại:		
USD	98,47	111,67

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu dịch vụ vận tải đường thủy	293.910.203.361	272.033.710.231
Doanh thu bán vật liệu xây dựng	28.648.876.110	9.251.672.074
Doanh thu dịch vụ vận tải đường bộ	17.469.049.553	9.945.636.333
Doanh thu bốc dỡ hàng hóa	10.869.241.920	4.416.156.742
Doanh thu cho thuê kho	422.063.840	2.200.000.000
Cộng	351.319.434.784	297.847.175.380
Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan - Xem thêm Mục 7	182.962.575.376	146.222.635.420

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	297.628.972.323	259.262.236.863
Giá vốn của hàng hóa đã bán	26.068.978.349	8.154.468.001
Cộng	323.697.950.672	267.416.704.864

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	9.731.726.688	8.325.447.268
Lãi bán các khoản đầu tư	5.614.733.730	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	1.301.184.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	102
Cộng	15.346.460.418	9.626.631.370

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân viên quản lý	14.595.486.292	13.294.159.823
Chi phí vật liệu quản lý	430.675.790	176.859.341
Chi phí đồ dùng văn phòng	889.175.302	364.988.065
Chi phí khấu hao tài sản cố định	685.037.180	737.839.539
Thuế phí, lệ phí	1.276.114.056	1.163.399.899
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(756.893.759)	1.180.500.202
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.064.918.046	1.810.576.565
Chi phí khác bằng tiền	6.078.682.223	3.069.700.213
Cộng	26.263.195.130	21.798.023.647

5.5. Thu nhập khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	5.374.090.910	-
Tiền thu từ bồi thường và thanh lý hợp đồng	406.510.142	1.289.352.335
Thu nhập khác	575.058.376	121.628.017
Cộng	6.355.659.428	1.410.980.352

5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	40.561.309.501	22.608.785.671
Chi phí nhân công	73.655.525.385	63.177.231.693
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.197.765.783	20.739.818.768
Chi phí dịch vụ mua ngoài	209.830.738.933	175.673.093.315
Chi phí khác bằng tiền	9.715.806.200	7.015.799.064
Cộng	349.961.145.802	289.214.728.511

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong năm được xác định như sau:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	22.240.928.914	21.719.970.654
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	426.383.767	425.921.664
Trừ: Thu nhập được miễn thuế	-	(1.301.184.000)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	22.667.312.681	20.844.708.318
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.533.462.536	4.168.941.664

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí khi tính thuế.

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động về những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty cung cấp, hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Cụ thể như sau:

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ vận tải nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực kinh doanh cần thiết phải thuyết minh;
- Bộ phận theo khu vực địa lý: Hoạt động của Nhóm Công ty hoàn toàn tại Việt Nam nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

Do vậy, Nhóm Công ty không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

1. Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ
2. Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất động sản	Công ty con
3. Trường Thọ Thủ Đức	
4. Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	Công ty có cùng công ty mẹ
5. Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	Công ty có cùng công ty mẹ
6. Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	Công ty có cùng công ty mẹ
7. Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	Công ty có cùng công ty mẹ
8. Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải	Công ty có cùng công ty mẹ
9. Xi măng Hải Phòng	
10. Công ty TNHH Siam City Cement Việt Nam	Công ty cùng Tổng Công ty
11. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 405 Song Hành Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Nhóm Công ty đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng:		
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	104.222.753.446	74.026.785.931
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	5.438.839.722	2.225.961.733
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	755.097.057	-
Công ty TNHH Siam City Cement Việt Nam	-	2.645.355.865
Cộng - Xem thêm Mục 4.3	<u>110.416.690.225</u>	<u>78.898.103.529</u>

Trả trước cho người bán ngắn hạn - Xem thêm Mục 4.4:

Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	1.262.815.629	1.262.815.629
-------------------------------	---------------	---------------

Phải thu ngắn hạn khác - Xem thêm Mục 4.5:

Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem (*)	450.000.000	450.000.000
--	-------------	-------------

(*) Là khoản đặc cọc thuê 03 sà lan theo Hợp đồng thuê số 47/VTHT/DVTSL ngày 08 tháng 02 năm 2020.

Trong năm, Nhóm Công ty đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	155.731.913.982	131.998.582.072
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	19.286.302.025	-
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	6.245.647.122	7.590.485.671
Công ty TNHH Siam City Cement Việt Nam	1.396.625.210	6.295.918.152
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng	302.087.037	-
Công ty Cổ phần Vicem Thạch Cao Xi măng	-	337.649.525
Cộng - Xem thêm Mục 5.1	<u>182.962.575.376</u>	<u>146.222.635.420</u>

Chi phí thuê tài sản:

Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	4.288.086.021	5.040.000.030
--	---------------	---------------

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 405 Song Hành Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Cổ tức đã chia:		
Tổng công ty Xi măng Việt Nam	5.249.888.800	6.562.361.000
Ông Đỗ Văn Huân	2.080.000	2.600.000
Cộng	5.251.968.800	6.564.961.000

Thù lao và thu nhập của Hội đồng quản trị Công ty được hưởng trong năm như sau:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Ông Hà Quang Hiện	Chủ tịch Hội đồng quản trị (bổ nhiệm từ ngày 12/05/2022)	48.000.000	-
Ông Huỳnh Trung Hiếu	Chủ tịch Hội đồng quản trị (miễn nhiệm từ ngày 01/01/2022)	-	72.000.000
Ông Đỗ Văn Huân	Thành viên Hội đồng quản trị	56.000.000	48.000.000
Ông Bùi Nguyên Quỳnh	Thành viên Hội đồng quản trị	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Văn Hưng	Thành viên Hội đồng quản trị	48.000.000	48.000.000
Ông Hồ Sĩ An	Thành viên Hội đồng quản trị	48.000.000	48.000.000
Cộng		248.000.000	264.000.000

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác của Công ty được hưởng trong năm như sau:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Ông Đỗ Văn Huân	Tổng Giám đốc	705.900.000	706.260.000
Ông Đàm Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 14/01/2022)	374.040.000	-
Ông Phạm Bá Trung	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 20/07/2022)	179.821.000	-
Ông Hoàng Việt	Phó Tổng Giám đốc (nghỉ hưu từ ngày 01/05/2021)	-	181.328.000
Cộng		1.259.761.000	887.588.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

8. THU NHẬP BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	120.000.000	198.000.000

9. SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Trích):

	Năm 2021 VND (Được báo cáo lại)	Năm 2021 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	822	1.327
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	822	1.327

Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2021 được báo cáo lại do Nhóm Công ty trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 64/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 05 năm 2022.

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2022 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Nhóm Công ty trong những năm tài chính sắp tới.



Đỗ Văn Huân
Tổng Giám đốc

Phạm Thị Ngọc
Phụ trách phòng kế toán

Võ Thị Ngọc Diễm
Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2023